

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1147/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2010

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Kế hoạch công tác năm 2010 của Bộ Công Thương**

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2009/NQ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2010;

Căn cứ công văn số 57/VPCP-TH ngày 15 tháng 01 năm 2010 về việc Kiểm điểm sự chỉ đạo, điều hành, tình hình thực hiện Quy chế làm việc năm 2009 và Chương trình công tác năm 2010 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

**QUYẾT ĐỊNH:**

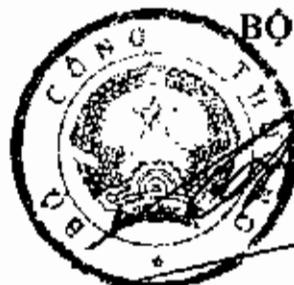
**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch công tác năm 2010 của Bộ Công Thương thực hiện Chương trình công tác năm 2010 và Nghị quyết của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2010.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ được giao tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này và định kỳ hàng tháng, hàng quý gửi báo cáo tình hình về tiến độ triển khai và những khó khăn vướng mắc về Văn phòng Bộ, Vụ Pháp chế và Vụ Kế hoạch để tổng hợp trình Bộ trưởng./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thủ tướng CP (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- VPCP;
- Website Bộ Công Thương;
- Lưu VT, KH.



**BỘ TRƯỞNG**

**Vũ Huy Hoàng**

**PHỤ LỤC I**

**KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2010 (NHỮNG NỘI DUNG NÊU TRONG CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 114/QĐ-BCT ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

| STT | NỘI DUNG CÔNG VIỆC   | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ    | ĐƠN VỊ PHỐI HỢP  | HÌNH THỨC VĂN BẢN                   | THỜI GIAN BAN HÀNH   |
|-----|--|-------------------|--|-------------------------------------|--|
| 1   | Chỉ thị số 05/CT-BCT ngày 03 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc tổ chức thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 2600/TTg-KTTH ngày 30 tháng 12 năm 2009 về đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm soát nhập siêu năm 2010.  |                   |  |                                     |  |
| 1   | Báo cáo Thủ tướng Chính phủ những chính sách phát triển xuất khẩu cho năm 2010   | Vụ Xuất nhập khẩu | Các Vụ, Cục của Bộ Công Thương, các đơn vị của Bộ TC, NHNN Việt Nam, các cơ quan liên quan   | Văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ | Đầu Quý I/ 2010  |
| 2   | Phối hợp với đơn vị của các Bộ quản lý chuyên ngành và các địa phương làm việc với các Tập đoàn, Tổng công ty và các Hiệp hội ngành hàng lớn, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, rà soát khả năng về mặt hàng, thị trường xuất khẩu, xác định cụ thể mục tiêu và biện pháp đẩy mạnh xuất khẩu của từng đơn vị, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận vốn cho sản xuất, kinh doanh xuất khẩu, trên cơ sở đó xây dựng thị trường hoặc nhóm thị trường trọng điểm để tập trung đẩy mạnh xuất khẩu trong năm 2010. | Vụ Xuất nhập khẩu | Các Vụ: KH, CNN, CNg, NL, CSTMDB, các Vụ TTNN, Cục HC, Cục XTTM; các Thương vụ của Việt Nam tại nước ngoài, Sở Công Thương các địa phương; các đơn vị hữu quan của Bộ TC, Bộ KH&ĐT, Bộ NN&PTNT, NHNN VN. | Văn bản điều hành                   | Trong Quý I Và Quý II/ 2010 báo cáo kết quả triển khai, Quý IV báo cáo kết quả thực hiện |
| 3   | Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực  | Vụ Xuất nhập khẩu | Các Vụ, Cục liên quan  | Văn bản điều hành                   | Cả năm 2010  |

|   |   |                   |   |                   |                        |
|---|---|-------------------|---|-------------------|------------------------|
|   | xuất khẩu để tạo điều kiện tối đa cho các doanh nghiệp xuất khẩu.   | Khẩu              | của Bộ Công Thương, Tổng cục Hải quan, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.  |                   |                        |
| 4 | Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn tại một số địa phương để phổ biến nội dung các Hiệp định khu vực mậu dịch tự do (FTA) mà Việt Nam đã tham gia ký kết, trong đó làm rõ các lợi thế mà Việt Nam có thể thụ hưởng, để đẩy mạnh xuất khẩu, giảm nhập siêu ở các thị trường có mức nhập siêu cao.  | Vụ Xuất nhập khẩu | Vụ Thị trường ngoài nước, Vụ Chính sách thương mại đa biên, Sở Công Thương các địa phương.  | Tài liệu tập huấn | Bắt đầu từ Quý I /2010 |
| 5 | Tập trung tháo gỡ khó khăn của các doanh nghiệp xuất khẩu có vốn đầu tư nước ngoài để đẩy mạnh xuất khẩu; rà soát các chính sách về đầu tư và để xuất Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét bổ sung các chính sách ưu đãi đối với các dự án đầu tư mở rộng và đầu tư chiều sâu để tăng số lượng và chất lượng hàng xuất khẩu; đẩy nhanh các dự án sản xuất thay thế hàng nhập khẩu. | Vụ Xuất nhập khẩu | Các Vụ: KH, CNTT, NN, NL, CSTMDB, TTNN, Cục HC, Cục XTMT; các Thương vụ của Việt Nam tại nước ngoài, Sở Công Thương các địa phương, các BQL Khu Công nghiệp, Khu chế xuất; các cơ quan liên quan của Bộ KH&ĐT | Văn bản điều hành | Cả năm 2010            |
| 6 | Phối hợp với các đơn vị của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục tạm hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với hàng hoá thực xuất khẩu nêu tại mục C điểm 1 phần III Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; cải cách thủ tục để rút ngắn thời gian thông quan và thời gian quyết toán thuế, nhất là  | Vụ Xuất nhập khẩu | Các Vụ, Cục liên quan của Bộ Công Thương; các đơn vị của Bộ Tài chính.  | Văn bản hướng dẫn | Quý I/2010             |

|    |  |          |                   |  |                                  |                                |
|----|--|----------|-------------------|--|----------------------------------|--------------------------------|
|    | đối với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất và gia công hàng xuất khẩu.  |          | Vụ Xuất nhập khẩu | Các Vụ, Cục liên quan của Bộ Công Thương; các đơn vị của Bộ TC, NHNN Việt Nam, các Công ty bảo hiểm. | Công văn tham gia ý kiến         | Theo lộ trình của Bộ Tài chính |
| 7  | Phối hợp với các đơn vị của Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ Đề án thí điểm "Bảo hiểm tín dụng xuất khẩu" để triển khai trong năm 2010.  |          | Vụ Xuất nhập khẩu | Các Vụ, Cục liên quan của Bộ Công Thương; các đơn vị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.                | Văn bản tham gia ý kiến          | Năm 2010                       |
| 8  | Phối hợp với các đơn vị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tham gia ý kiến đối với các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ, lãi suất theo hướng ổn định và ở mức hợp lý, kết hợp với điều chỉnh linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở và các công cụ chính sách tiền tệ khác nhằm phù hợp với mục tiêu kinh tế vĩ mô, đẩy mạnh xuất khẩu.   |          | Vụ Xuất nhập khẩu | Các Vụ, Cục liên quan của Bộ Công Thương; các đơn vị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.     | Văn bản tham gia ý kiến          | Bắt đầu từ Quý I/2010          |
| 9  | Phối hợp với các đơn vị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ tiêu thụ nông sản, thủy sản của một số ngành hàng có lượng hàng hóa lớn như gạo, thủy sản, cà phê và một số nông sản khác nhằm duy trì phát triển sản xuất, đảm bảo an ninh lương thực, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người nông dân và ổn định giá hàng hóa. Xây dựng phương án thu mua tồn trữ một số mặt hàng nông sản xuất khẩu (gạo, cà phê, hạt điều, hạt tiêu) để giữ giá, tránh thiệt hại cho người nông dân và tránh bị khách nước ngoài ép giá. |          | Vụ Xuất nhập khẩu | Các Bộ, ngành, các đơn   | Dự thảo Quyết định của Thủ tướng | Hoàn thành Quý I               |
| 10 | Soạn thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế xây dựng và thực hiện Chương trình xúc   | Cục XTTM |                   |  |                                  |                                |

|    |  |                                    |   |  |                  |
|----|--|------------------------------------|---|--|------------------|
|    | tiền thương mại quốc gia (thay thế Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 279/2005/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ) theo hướng tiếp tục đẩy mạnh và mở rộng hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường xuất khẩu và thị trường trong nước đúng mục tiêu và có hiệu quả cao hơn.  |                                    | vị liên quan  | Chính phủ  | /2010            |
| 11 | Chủ động nắm bắt tình hình thị trường, các chính sách của nước nhập khẩu liên quan và tác động đến xuất khẩu của Việt Nam để phò biến và tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu; xây dựng giải pháp xúc tiến thương mại, đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm chế nhập siêu tại một số thị trường trọng điểm của khu vực.   | Vụ thị trường ngoài nước liên quan | Thương vụ Việt Nam tại các nước                                     | Văn bản báo cáo lãnh đạo Bộ kèm theo các kiến nghị cụ thể. | Hàng tháng       |
| 12 | Phân tích, đánh giá những cơ hội và thách thức của các Hiệp định FTA với Việt Nam; thúc đẩy đàm phán, ký kết một số Hiệp định FTA song phương và đa phương theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.   | Vụ thị trường ngoài nước liên quan | Các Vụ, Cục của Bộ Công Thương, các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Văn bản báo cáo lãnh đạo Bộ kèm theo các kiến nghị cụ thể. | Hàng quý         |
| 13 | Tập trung tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và xuất khẩu, trong đó tập trung tiếp tục thúc đẩy việc xây dựng chính sách khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, cơ chế chính sách tiêu thụ nông sản, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, hàng thực phẩm chất lượng cao, tổ chức các kênh phân phối các mặt hàng thiết yếu, thúc đẩy xuất khẩu biên mẫu, năng cao hiệu quả xúc tiến thương mại. | Các Vụ, Cục theo chỉ đạo           | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan                                 | Văn bản báo cáo lãnh đạo Bộ kèm theo các kiến nghị cụ thể. | Hàng tháng       |
| 14 | Nghiên cứu, đề xuất danh mục mặt hàng cần áp dụng hạn ngạch nhập khẩu, hạn ngạch thuế quan hoặc giấy   | Vụ Xuất nhập                       | Các Vụ: KH và CN, PC, CSTMDB, KH, CNN,                              | Báo cáo kết quả nghiên cứu và đề                           | Trong Quý I/2010 |

|    | phép nhập khẩu để bảo đảm kiểm soát nhập khẩu nhóm mặt hàng có nguy cơ gây dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi và các mặt hàng gây ảnh hưởng đến sức khỏe người dân  | khẩu              | CN/NG, Cục HC ; các đơn vị liên quan của các Bộ: TC, XD, NN&PTNT, Y tế, KH&CN, GTVT, KHĐT, TT&TT ; NHNN Việt Nam; Tổng cục HQ   | xuất cụ thể                                  |              |
|----|--|-------------------|---|--|--------------|
| 15 | Tiếp tục áp dụng các biện pháp kiểm soát nhập khẩu, quy trình thông quan đối với các nhóm hàng cần kiểm soát và cần hạn chế nhập khẩu (cấp và ngừng cấp giấy phép tự động). Sửa đổi thông tư 17/2008/TT-BCT ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Bộ Công Thương về hướng dẫn thực hiện việc áp dụng chế độ cấp giấy phép nhập khẩu tự động đối với một số mặt hàng.   | Vụ Xuất nhập khẩu | Vụ khoa học Công nghệ, Vụ CSTM đa biên, Vụ Pháp chế của Bộ Công Thương, Các Bộ, ngành, cơ quan liên quan  | Dự thảo sửa đổi Thông 17/2008/TT-BCT         | Quý I/2010   |
| 16 | Nghiên cứu xây dựng phương án áp dụng thí điểm việc kiểm tra xuất xứ, chất lượng hàng hóa, nhất là đối với nông, thủy sản, thực phẩm chế biến, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, thuốc chữa bệnh cho người, thuốc bảo vệ thực vật... trước khi hàng được xếp lên tàu tại nước xuất khẩu hoặc kiểm tra quy trình sản xuất tại nước ngoài để cấp giấy chứng nhận hàng hóa đủ điều kiện lưu thông trên thị trường Việt Nam, kiểm tra tại cửa khẩu Việt Nam trước khi hàng hóa được thông quan | Vụ Xuất nhập khẩu | Các Vụ, Cục của Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Lao động thương binh và xã hội, các Bộ, ngành liên quan | Báo cáo kết quả nghiên cứu và đề xuất cụ thể | Quý III/2010 |
| 17 | Đề xuất với Bộ Tài chính quy định thời hạn nộp thuế và áp dụng các biện pháp liên quan đến thông quan hàng hoá, cửa khẩu thông quan theo đối tượng hàng hóa; áp dụng bổ sung các loại thuế, phí khác ngoài thuế nhập khẩu.   | Vụ Xuất nhập khẩu | Các Vụ, Cục liên quan của Bộ Công Thương; các đơn vị của Bộ Tài chính.  | Vấn bản đề xuất Bộ Tài chính                 | Quý I/2010   |

|    |   |                     |   |                             |                               |
|----|---|---------------------|---|-----------------------------|-------------------------------|
| 18 | Phối hợp với các đơn vị liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tham gia ý kiến về Kiểm soát, điều tiết được việc cho vay nhập khẩu các loại hàng tiêu dùng, hàng thực phẩm không thiết yếu để kiểm soát nhập siêu.  | Vụ Xuất nhập khẩu   | Các đơn vị liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | Văn bản tham gia ý kiến     | Theo đề nghị của Ngân hàng.   |
| 19 | Phối hợp với các đơn vị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ để tăng cường biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng hàng hoá tại cửa khẩu.   | Vụ Xuất nhập khẩu   | Các đơn vị liên quan của Bộ NN&PTNT, Bộ Y tế, Bộ KH&CN  | Văn bản trao đổi, điều hành | Năm 2010, hàng quý có báo cáo |
| 20 | Chỉ đạo các Tập đoàn, Tổng Công ty nhà nước thuộc Bộ Công Thương đẩy mạnh thực hiện các Kế hoạch, Chương trình sản xuất máy móc, thiết bị, vật tư trong nước và đề xuất các chính sách, cơ chế liên quan nhằm đáp ứng các yêu cầu về cung ứng máy móc, thiết bị và vật tư đối với dự án đầu tư sản xuất có nhập khẩu vật tư và thiết bị toàn bộ của các ngành sản xuất chủ yếu. | Vụ Công nghiệp nặng | Các Vụ: Công nghiệp nhẹ, Năng lượng, Thị trường trong nước; Các Tập đoàn, Tổng Công ty thuộc Bộ                 | Báo cáo Thủ tướng Chính phủ | Trong Quý I / 2010            |
| 21 | Làm việc với các đơn vị liên quan của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành, địa phương có biện pháp giám sát việc nhập khẩu máy móc, thiết bị của khối doanh nghiệp FDI trong năm 2010, trên góp phần hạn chế nhập siêu.  | Vụ Kế hoạch         | Các Vụ: Công nghiệp nặng, Công nghiệp nhẹ, Năng lượng của Bộ Công Thương; các đơn vị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | Báo cáo và đề xuất cụ thể   | Bắt đầu từ Quý I / 2010       |
| 22 | Hướng dẫn các Tập đoàn, Tổng công ty của Bộ Công Thương xây dựng kế hoạch đầu tư sản xuất hàng thay thế nhập khẩu có chọn lọc, trước hết nhằm vào các sản phẩm có nhu cầu lớn phụ thuộc nhiều vào nguồn nhập khẩu và có xu hướng tăng giá trên thị trường thế giới  | Vụ Kế hoạch         | Các Vụ, Cục liên quan; các Tập đoàn, Tổng Công ty thuộc Bộ.   | Văn bản điều hành           | Trong Quý I / 2010            |

|    |  |                                 |   |                          |                                     |
|----|--|---------------------------------|---|--------------------------|-------------------------------------|
| 23 | <p>Theo dõi chặt chẽ tình hình thương mại biên giới để tham mưu cho Lãnh đạo Bộ cùng các Bộ ngành và địa phương điều hành linh hoạt thương mại biên giới theo hướng tiếp tục phát triển hệ thống phân phối hàng hóa qua biên giới nhằm đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu biên mậu, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và ngăn chặn dịch bệnh lây lan qua biên giới. Chủ động báo cáo Bộ trưởng áp dụng biện pháp tạm dừng nhập khẩu các mặt hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ, không đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.</p> | <p>Vụ Thương mại miền núi</p>   | <p>Vụ Xuất nhập khẩu, Vụ Thị trường trong nước; các Bộ, Ngành. địa phương liên quan</p>   | <p>Văn bản điều hành</p> | <p>Năm 2010</p>                     |
| 24 | <p>Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các sản phẩm nhập khẩu như ô tô con, rượu ngoại, điện thoại di động, Mỹ phẩm..., đề xuất biện pháp hành chính chặt chẽ hơn với các mặt hàng đã qua sử dụng, sản phẩm về gia công còn thừa phải xuất khẩu trả lại.</p>   | <p>Cục Quản lý thị trường</p>   | <p>Các Vụ, Cục của Bộ Công Thương, các cơ quan liên quan.</p>                             | <p>Văn bản điều hành</p> | <p>Năm 2010</p>                     |
| 25 | <p>Ban hành danh mục hàng hóa nhóm 2 (theo quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa) và xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.</p>   | <p>Vụ Khoa học và Công nghệ</p> | <p>Các Vụ, Cục liên quan trong Bộ; các đơn vị liên quan của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p> | <p>Văn bản điều hành</p> | <p>Hoàn thành trong Quý II/2010</p> |
| 26 | <p>Công bố các biện pháp kỹ thuật và quy trình kiểm tra, giám sát các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2 nêu trên để làm căn cứ pháp lý kiểm soát chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định hiện hành</p>   | <p>Vụ Khoa học và Công nghệ</p> | <p>Các Vụ, Cục liên quan trong Bộ; các đơn vị liên quan của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p> | <p>Văn bản điều hành</p> | <p>Hoàn thành trong Quý II/2010</p> |

|   |  |                           |  |                                    |                              |  |
|---|--|---------------------------|--|------------------------------------|------------------------------|--|
| <p><b>II</b> Quyết định số 0819/QĐ-BCT ngày 09 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc Ban hành Chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2010.</p> |  |                           |  |                                    |                              |  |
| 1   | Tăng cường quản lý và giám sát cạnh tranh; điều tra và xử lý các vụ việc vi phạm để bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh, tạo cơ hội kinh doanh bình đẳng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế           | Cục Quản lý cạnh tranh    | Các đơn vị liên quan   | Báo cáo định kỳ hàng quý           | Năm 2010                     |  |
| 2   | Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích xuất khẩu phù hợp  | Vụ Xuất nhập khẩu         | Các Vụ quản lý ngành và các Vụ TTNN                          | Văn bản điều hành                  | Năm 2010                     |  |
| 3   | Xây dựng mô hình thương mại điện tử phù hợp với trình độ của các doanh nghiệp và khuyến khích các doanh nghiệp tham gia  | Cục TMĐT&CNTT             | Bộ Thông tin và truyền thông                                 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Tháng 11/2010                |  |
| 4   | Xây dựng danh mục các sản phẩm hàng hoá có khả năng gây mất an toàn (sản phẩm, hàng hoá nhóm 2 theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá) và các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng phù hợp với các quy định của WTO | Vụ Khoa học và Công nghệ  | Cục Hoá chất, Cục Quản lý thi trường và các Vụ quản lý ngành | Văn bản điều hành                  | Hoàn thành trong quý II/2010 |  |
| 5   | Tham gia xây dựng Chương án đàm phán Hệ thống ưu đãi thương mại toàn cầu (GSTP)  | Vụ CSTMDB                 | Các đơn vị của Bộ Tài chính                                  | Văn bản tham gia ý kiến            | Năm 2010                     |  |
| 6   | Hoàn thành việc xây dựng Chiến lược đàm phán về thoả thuận thương mại song phương (FTA) đến 2020   | VP UBQG về HT KTQT        | Bộ Tài chính; các đơn vị liên quan                           | Quyết định của TTCP                | Tháng 11/2010                |  |
| 7   | Xây dựng phương án đàm phán kinh tế thương mại quốc tế chung làm cơ sở để Đoàn đàm phán xây dựng các phương án đàm phán cụ thể và tiến hành các cuộc đàm phán trong khu vực  | Văn phòng UBQG về HT KTQT | Vụ CSTMDB, các Vụ TTNN; Bộ Tài chính                         | Quyết định của TTCP                | Tháng 10/2010                |  |

**III Văn bản số 1740/BCT-VP ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ Công Thương về việc gửi Kế hoạch chuẩn bị đề án trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2010.**

|    | Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng   | Cục QLCT     | Các Bộ: KH&CN, NN&PTNT, Y tế  | Luật                    | Tháng 3  |
|----|---|--------------|---|-------------------------|----------|
| 1  | Nghị định quy định an toàn các công trình dầu khí trên đất liền   | Vụ NL        | Các Bộ: KH&CN, NN&PTNT, Y tế, TC, TD dầu khí                          | Nghị định của Chính phủ | Tháng 6  |
| 2  | Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả   | Vụ KH&CN     | Các Bộ: KH&CN, Tư pháp  | Nghị định của Chính phủ | Tháng 10 |
| 3  | Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ người tiêu dùng   | Cục QLCT     | Các Bộ: KH&CN, Tư pháp  | Nghị định của Chính phủ | Tháng 12 |
| 4  | Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hoá, dịch vụ cảm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện | Vụ TTIN      | Các Bộ: Tài chính, Công An, KH&CN                                     | Nghị định của Chính phủ | Tháng 11 |
| 5  | Nghị định về tổ chức hoạt động của Thanh tra Công Thương  | Thanh tra Bộ | Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính                                     | Nghị định của Chính phủ | Tháng 11 |
| 6  | Nghị định quy định xử phạt hành chính về kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng   | Cục QLTT     | Bộ Công an, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam | Nghị định của Chính phủ | Tháng 6  |
| 7  | Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2009/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh rượu, thuốc lá  | Cục QLTT     | Bộ Công an, Bộ Tài chính  | Nghị định của Chính phủ | Tháng 6  |
| 8  | Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 108/2008/NĐ-CP quy định hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hoá chất  | Cục Hoá chất | Bộ KH&CN, Bộ Tư pháp, Tập đoàn Hoà chất                               | Nghị định của Chính phủ | Tháng 9  |
| 9  | Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính về kinh doanh xăng dầu  | Cục QLTT     | Bộ Công an, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam | Nghị định của Chính phủ | Tháng 6  |
| 10 | Chương trình quốc gia chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại   | Cục QLTT     | Bộ Công An  | Quyết định của TTCP     | Tháng 3  |
| 11 | Chương trình xúc tiến thương mại biên giới  | Vụ TMMN      | Bộ Tài chính  | Quyết định của          | Tháng 3  |

|    |  | và CNTT                                   |   | TTCP                |          |
|----|--|---|---|---------------------|----------|
| 13 | Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2011-2015  | Cục TMĐT                                  | Bộ Thông tin truyền thông, VCCI                   | Quyết định của TTCP | Tháng 7  |
| 14 | Kế hoạch phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ cho phát triển công nghệ cao.            | Vụ KH&CN                                  | Bộ KH&CN  | Quyết định của TTCP | Tháng 8  |
| 15 | Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ biên giới Việt Nam - Lào đến năm 2020   | Vụ TMMN                                   | Bộ Ngoại giao                                     | Quyết định của TTCP | Tháng 12 |
| 16 | Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ biên giới Việt Nam - Campuchia đến năm 2020   | Vụ TMMN                                   | Bộ Ngoại giao                                     | Quyết định của TTCP | Tháng 12 |
| 17 | Quy hoạch chi tiết thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng phốt pho xà gai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2030  | Vụ CNNG                                   | Viện CNGLCSCN, Bộ TN&MT, Bộ NN&PTNT, Viện xà hiếm | Quyết định của TTCP | Tháng 8  |
| 18 | Quy hoạch phát triển công nghiệp vùng tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 | Viện NCCI CSCN                            | Bộ KH&ĐT, Bộ Ngoại giao                           | Quyết định của TTCP | Tháng 12 |
| 19 | Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng titan đến năm 2020, có xét đến năm 2030                | Vụ CNNG, Viện KH&CN Mỏ - luyện kim        | Bộ TN&MT, TKV, UBND các tỉnh có khoáng sản titan  | Quyết định của TTCP | Tháng 11 |
| 20 | Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng bô xit đến năm 2020, có xét đến năm 2030               | Vụ CNNG-Viện KH&CN Mỏ-luyện kim           | Bộ TN&MT, TKV, UBND các tỉnh có titan             | Quyết định của TTCP | Tháng 9  |
| 21 | Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp Việt Nam giai đoạn 2010-2020, có xét đến năm 2025                              | Viện NCCGLCSCN                            | Bộ KH&ĐT  |                     | Tháng 12 |
| 22 | Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng than đồng bằng sông Hồng đến năm 2020, dự báo đến năm 2030             | Vụ CNNG, Công ty Năng lượng Sông Hồng-TKV | Bộ TN&MT, TKV                                     | Quyết định của TTCP | Tháng 9  |
| 23 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý giải thưởng thương hiệu                                      | Cục XTMM                                  |   | Quyết định của TTCP | Tháng 5  |
| 24 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về khai thác dầu khí   | Vụ Năng lượng                             | Tập đoàn dầu khí Việt Nam                         | Quyết định của TTCP | Tháng 6  |

|    |   |                          |   |                     |          |
|----|---|--------------------------|---|---------------------|----------|
| 25 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp  | Cục CNDP                 | Bộ KH&ĐT, Bộ TC, UBND các tỉnh, thành phố | Quyết định của TTCP | Tháng 6  |
| 26 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế phối hợp và phân công trách nhiệm giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác đấu tranh công buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại | Cục QLTT                 | Các Bộ: TC, Công An, Quốc phòng           | Quyết định của TTCP | Tháng 01 |
| 27 | Đề án giám sát hệ thống phân phối, chống hàng giả, bảo vệ người tiêu dùng   | Cục QLTT                 | Các Bộ: Tài chính, Công An                | Quyết định của TTCP | Tháng 6  |
| 28 | Đề án nâng cấp chợ biên giới Đin Đăm, Xiêng Khoảng, Lào   | Vụ TMMN                  |   | Quyết định của TTCP | Tháng 11 |
| 29 | Đề án thúc đẩy sản xuất, kinh doanh nhằm ngăn chặn suy giảm, duy trì tăng trưởng kinh tế giai đoạn  | Vụ KH                    | Các Vụ quản lý ngành                      | Quyết định của TTCP | Tháng 5  |
| 30 | Đề án xây dựng chợ biên giới mẫu Việt Nam - Campuchia   | Vụ TMMN                  | Bộ Ngoại giao                             | Quyết định của TTCP | Tháng 9  |
| 31 | Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch phát triển một số phân ngành công nghiệp: than, ngành Thép...  | Các vụ: Năng lượng, CNNG | TKV, Hiệp hội thép                        | Quyết định của TTCP | Tháng 12 |

## KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2010 (NHỮNG NỘI DUNG MỚI)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1147 /QĐ-BCT ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

| Số TT    | Tên nhiệm vụ   | Cơ quan chủ trì       | Cơ quan phối hợp  | Hình thức văn bản   | Thời gian ban hành |
|----------|--|-----------------------|---|---|--------------------|
| <b>I</b> | <b>Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các đề án, các quy hoạch phát triển</b>   |                       |   |   |                    |
| 1        | Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia cho giai đoạn 2010 - 2020 tầm nhìn đến năm 2030 (Quy hoạch điện VII)  | Vụ Năng lượng         | Các Vụ quản lý ngành (QLN), Cục DTDL, EVN   | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ                                    | Quý IV             |
| 2        | Rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển thủy điện trên toàn quốc và các địa phương; Kiểm tra mạng lưới thủy điện vừa và nhỏ trên cả nước; Hoàn thiện các tiêu chí xây dựng đối với các công trình thủy điện | Vụ Năng lượng         | Vụ KH&CN; Cục DTDL, Cục KT&T&MTCN, EVN  | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định của Bộ trưởng; Báo cáo | Quý I              |
| 3        | Tổng kết hoạt động khoa học công nghệ ngành Công Thương 5 năm 2006 - 2010, Chương trình Khoa học Công nghệ ngành Công Thương 5 năm 2011 - 2015   | Vụ Khoa học Công nghệ | Các Vụ, Cục, Tập đoàn, TCT  | Báo cáo TTg   | Quý IV             |
| 4        | Đề án Quy hoạch phát triển hệ thống sản xuất và hệ thống phân phối mặt hàng thép giai đoạn 2011-2020 có xét đến 2025   | Vụ Công nghiệp nặng   | Các Vụ: KH, TTTN, XNK; Tổng công ty Thép, Hiệp hội thép                             | Quyết định của Bộ trưởng  | Quý II             |
| 5        | Quy hoạch sản xuất thuốc lá và phát triển vùng trồng nguyên liệu thuốc lá Việt Nam đến năm 2020  | Vụ Công nghiệp nhẹ    | Các Vụ: TTTN, Pháp chế; Cục QLTT, Tổng công ty Thuốc lá, Hiệp hội Thuốc lá Việt Nam | Quyết định của Bộ trưởng  | Quý IV             |
| 6        | Quy hoạch phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm   | Vụ Công nghiệp        | Viện Nghiên cứu   | Quyết định của  | Quý IV             |

|           | 2020 tầm nhìn đến 2025  | nằm                      | CLCSCN   | Bộ trưởng                         | Quý IV  |
|-----------|---|--------------------------|--|-----------------------------------|---------|
| 7         | Quy hoạch phát triển hạ tầng thương mại ở địa bàn nông thôn;  | Vụ Thị trường trong nước | Vụ KH, các Vụ QLN  | Quyết định của Bộ trưởng          | Quý IV  |
| 8         | Quy hoạch phát triển các loại hình chợ ở địa bàn nông thôn  | Vụ Thị trường trong nước | Vụ KH, các Vụ QLN  | Quyết định của Bộ trưởng          | Quý IV  |
| 9         | Quy hoạch phát triển hệ thống sản xuất và hệ thống phân phối mặt hàng phân bón giai đoạn 2010-2020 có xét đến 2025  | Cục Hoá chất             | Vụ KH, Vụ TTTN   | Quyết định của Bộ trưởng          | Quý III |
| 10        | Quy hoạch điều chỉnh, bổ sung phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ   | Viện NCCLCSCN            | Các Vụ có liên quan và Hiệp hội cơ khí Việt Nam                            | Quyết định của Bộ trưởng          | Quý IV  |
| 11        | Danh mục hoá chất không sử dụng trong sản phẩm tiêu dùng và sản phẩm gia dụng   | Cục Hóa chất             | Các Vụ QLN, TD Hóa chất  | Quyết định của Bộ trưởng          | Quý II  |
| <b>II</b> | <b>Đẩy mạnh sản xuất, xuất nhập khẩu và đầu tư</b>  |                          |  |                                   |         |
| 1         | Xây dựng cơ chế, chính sách và giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp; các giải pháp phát triển công nghiệp hỗ trợ                    | Vụ Kế hoạch              | Các Vụ, Cục thuộc Bộ các TD, TCT   | Quyết định của Bộ trưởng; Báo cáo | Quý II  |
| 2         | Đánh giá việc thực hiện quy hoạch các ngành cơ khí, xây dựng các biện pháp phát triển trong giai đoạn tới   | Vụ công nghiệp nặng      | Các Vụ: KH, KHCCN; các TD, TCT   | Báo cáo                           | Quý II  |
| 3         | Đánh giá lại tình hình phát triển của ngành công nghiệp điện tử và có giải pháp để đẩy mạnh sự phát triển của ngành trong giai đoạn tới                                 | Vụ công nghiệp nặng      | Các Vụ: KH, KHCCN; các TD, TCT, Bộ TTTT                                    | Báo cáo                           | Quý II  |
| 4         | Đánh giá tình hình thực hiện “Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng quặng bauxit giai đoạn 2007-2015, có xét đến năm 2025” trong giai đoạn vừa qua. | Vụ công nghiệp nặng      | Các Vụ: KH, KHCCN, TKV, UBND các tỉnh: Lâm Đồng, Đắk Nông                  | Báo cáo                           | Quý II  |
| 5         | Rà soát lại quy trình vận hành hồ chứa thủy điện trên cả nước   | Vụ Khoa học Công nghệ    | Vụ NL, Cục KTAI&MTCN   | Báo cáo                           | Quý I   |
| 6         | Nghiên cứu, đánh giá tác động của Luật thuốc lá   | Vụ Công nghiệp nhẹ       | Các Vụ: TTTN, Pháp chế; Cục QLTT, Tổng công ty Thuốc lá, Hiệp hội Thuốc lá | Báo cáo                           | Quý IV  |

|    |  |                          |  |                          |                                |  |  |
|----|--|--------------------------|--|--------------------------|--------------------------------|--|--|
|    |  |                          |  |                          |                                |  |  |
| 7  | Thông tư quy định kiểm tra, giám sát chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương   | Vụ Công nghiệp nhẹ       | Việt Nam   | Thông tư                 | Quý IV                         |  |  |
| 8  | Kết quả triển khai thực hiện Quyết định số 2213/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 497/QĐ-TTg  | Vụ Thị trường trong nước | Các Vụ CNNG, CNN, KH   | Báo cáo                  | Định kỳ hàng quý               |  |  |
| 9  | Tiếp tục triển khai Chương trình hành động nhằm thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”  | Vụ Thị trường trong nước | Các Vụ CNNG, CNN, KH, TMMN, Cục HC, các TD, TCT<br>Cục XTTM      | Báo cáo                  | Định kỳ hàng quý               |  |  |
| 10 | Báo cáo Kết quả các hoạt động xúc tiến thương mại trong nước và xây dựng chương trình mới cho những năm tiếp theo  | Vụ Thị trường trong nước | Vụ KH, QLN, Cục QLTT, XNK  | Báo cáo                  | Định kỳ II và định kỳ hàng quý |  |  |
| 11 | Theo dõi sát diễn biến của thị trường trong nước, kịp thời áp dụng các biện pháp điều tiết cung cầu và bình ổn thị trường; có giải pháp chủ động, công khai và hiệu quả ổn định thị trường một số mặt hàng thiết yếu | Vụ Thị trường trong nước | Vụ KH, các Vụ QLN  | Quyết định của Bộ trưởng | Quý IV                         |  |  |
| 12 | Xây dựng mô hình thí điểm tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư nông nghiệp và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho thương mại nông thôn  | Vụ Xuất nhập khẩu        | Các Vụ, Cục  | Báo cáo                  | Định kỳ hàng quý               |  |  |
| 13 | Tình hình thực hiện Chỉ thị 05/CT-BCT ngày 03 tháng 02 năm 2010 của Bộ về đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm soát nhập siêu 2010   | Vụ Xuất nhập khẩu        | Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính; Vụ CSTMDB, PC, TTTN, KHCHN, KHCHN | Quyết định của Bộ trưởng | Quý II                         |  |  |
| 14 | Xây dựng hàng rào thuế quan và phi thuế quan để điều hoà hoạt động nhập khẩu   | Vụ Thương mại miền núi   | Các Vụ: KH, TTTN, XNK, QLN                                       | Báo cáo                  | Tháng 5                        |  |  |
| 15 | Hội nghị Hợp tác phát triển thương mại biên giới Việt Nam - Campuchia  | Vụ Thương mại miền núi   | Các Vụ: KH, TTTN, XNK, QLN                                       | Báo cáo                  | Tháng 8                        |  |  |
| 16 | Hội nghị Hợp tác phát triển thương mại biên giới Việt Nam - Lào  | Vụ Thương mại miền núi   | Các Vụ: KH, TTTN, XNK, QLN                                       | Báo cáo                  | Tháng 8                        |  |  |
| 17 | Đề án kết cấu hạ tầng thương mại phục vụ biên mậu tại  | Vụ Thương mại            | Các Vụ: KH, TTTN,  | Quyết định của           | Quý IV                         |  |  |

|            | các cửa khẩu  | miền núi                               | XNK, QLN                          | Bộ trưởng                   | Quy IV                     |
|------------|---|--|-----------------------------------|-----------------------------|----------------------------|
| 18         | Đề án tổ chức hệ thống phân phối hàng hoá qua biên giới   | Vụ Thương mại<br>miền núi              | Các Vụ: KH, TTTN,<br>XNK, QLN     | Quyết định của<br>Bộ trưởng | Quy IV                     |
| 19         | Xây dựng Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát thị trường năm 2010   | Cục QLTT                               |                                   | Báo cáo                     | Quý I                      |
| 20         | Xây dựng Kế hoạch xúc tiến thương mại năm 2010  | Cục Xúc tiến<br>thương mại             |                                   | Báo cáo                     | Quý I                      |
| 21         | Chiến lược phát triển thương hiệu Việt Nam, phát triển hàng trong nước, khuyến khích tiêu dùng hàng nội địa   | Cục Xúc tiến<br>thương mại             | Các Vụ, Cục                       | Quyết định của<br>Bộ trưởng | Quý II                     |
| 22         | Đề án xây dựng mạng kinh doanh điện tử cho một số doanh nghiệp quy mô lớn   | Cục TMĐT và<br>CNTT                    |                                   | Quyết định của<br>Bộ trưởng | Theo tiến độ<br>được duyệt |
| 23         | Tổ chức diễn đàn doanh nghiệp Việt kiều tại Anh, Hoa Kỳ và Canada; Hội nghị quan chức thương mại Việt Nam tại Brussels;   | Vụ Châu Âu                             | Các Vụ liên quan                  | Báo cáo                     | Quý I                      |
| 24         | Tham gia đàm phán Hiệp định Đối tác Việt Nam - EU   | Vụ Châu Âu                             | Các Vụ liên quan                  | Báo cáo                     | Quý III                    |
| 25         | Chủ trì chuẩn bị và tổ chức họp UBLCPP với các nước Rumani, Belarus, Nga, Ucraina, Uzbekistan, Slovenia, Bulgaria, Anh  | Vụ Châu Âu                             | Các Vụ liên quan                  | Báo cáo                     | Quý II, III và<br>IV       |
| 26         | Đánh giá cục diện chính trị và tình hình kinh tế làm cơ sở nghiên cứu khả năng phát triển quan hệ kinh tế với các nước Nga, EU và các nước EFTA;  | Vụ Châu Âu                             | Các Vụ liên quan                  | Báo cáo                     | Trong năm<br>2010          |
| 27         | Nghiên cứu khả thi FTA với Nga và với các nước EFTA   | Vụ Đa biên                             | Vụ Châu Âu và các Vụ<br>liên quan |                             |                            |
| 28         | Tuyên truyền phổ biến cơ hội phát triển xuất khẩu sang châu Âu cho các doanh nghiệp trong nước và phổ biến cơ hội kinh doanh đầu tư tại Việt Nam cho các doanh nghiệp Châu Âu, Triển khai Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia tại một số nước châu Âu | Vụ Châu Âu                             | Các Vụ liên quan                  | Báo cáo                     | Trong năm<br>2010          |
| <b>III</b> | <b>Hội nhập kinh tế quốc tế</b>   |  |                                   |                             |                            |
| 1          | Phương án đàm phán Hệ thống ưu đãi thương mại toàn cầu (GSTP)   | Vụ Chính sách<br>thương mại đa<br>biên | Bộ TC và các Bộ liên<br>quan      | Báo cáo                     | Trong 2010                 |
| 2          | Xây dựng phương án đàm phán Vòng Đàm phán Đô-ha   | Vụ Chính sách                          | Các Bộ, ngành liên                | Báo cáo                     | Trong 2010                 |

|           |   |                                  |  |         |                                |        |
|-----------|---|----------------------------------|--|---------|--------------------------------|--------|
|           | Góp phần kết thúc sớm vòng đàm phán này.  | thương mại đa biên               | quan   |         |                                |        |
| 3         | Tình hình triển khai các hoạt động liên quan tới vai trò Chủ tịch năm ASEAN 2010 của VN   | Vụ Chính sách thương mại đa biên | Các Bộ, ngành liên quan  | Báo cáo | Báo cáo hàng quý               |        |
| 4         | Phương án cho Hội nghị Bộ trưởng Thương mại APEC và Hội nghị Cấp cao APEC 2010 tại Nhật Bản.  | Vụ Chính sách thương mại đa biên | Các Bộ, ngành liên quan  | Báo cáo | Theo tiến độ của năm APEC 2010 | Quý II |
| 5         | Xây dựng phương án tham gia đàm phán Hiệp định đôi tác kinh tế Xuyên Thái Bình Dương (TPP).   | Vụ Chính sách thương mại đa biên | Các Bộ, ngành liên quan  | Báo cáo | Quý II                         |        |
| 6         | Hội nghị Bộ trưởng Năng lượng ASEAN   | Vụ Hợp tác quốc tế               | Các Vụ có liên quan  | Báo cáo | Quý II                         |        |
| 7         | Xây dựng phương án và thực hiện đàm phán thỏa thuận FTA với Chi-lê.   | Vụ Châu Mỹ                       | Vụ Chính sách thương mại Đa Biên                               | Báo cáo | Quý II                         |        |
| <b>IV</b> | <b>Nâng cao chất lượng giáo dục- đào tạo, phát triển khoa học công nghệ</b>   |                                  |  |         |                                |        |
| 1         | Xây dựng các giải pháp khuyến khích nâng cao năng lực, chất lượng các cơ sở đào tạo thuộc Bộ  | Vụ Tổ chức cán bộ                | Các Vụ KH, Tài chính, Thi đua Khen thưởng, Các trường thuộc Bộ | Báo cáo | Quý II                         |        |
| 2         | Đề xuất các cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, hướng vào việc tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm | Vụ Khoa học công nghệ            | Các Vụ QLN, TD, TCT  | Báo cáo | Quý III                        |        |
| <b>V</b>  | <b>Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</b>   |                                  |  |         |                                |        |
| 1         | Thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2010   | Thanh tra Bộ                     | Các Vụ, Cục  | Báo cáo | Định kỳ hàng quý               |        |
| 2         | Kế hoạch cải cách hành chính năm 2010   | Văn phòng Bộ                     | Các Vụ, Cục  | Báo cáo | Quý I                          |        |
| 3         | Thực hiện kế hoạch cung cấp trực tuyến dịch vụ công   | Cục TMDĐT và                     | Các Vụ, Cục  | Báo cáo | Định kỳ hàng                   |        |

|   |  | CNTT         |             | Báo cáo | quỹ                |
|---|--|--------------|-------------|---------|--------------------|
| 4 | Tổng hợp về tình hình thực hiện các nhiệm vụ chung về thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu, hội nhập kinh tế quốc tế... | Vụ Kế hoạch  | Các Vụ, Cục | Báo cáo | Định kỳ hàng tháng |
| 5 | Tổng hợp tình hình xây dựng các Đề án nhằm thực hiện Chương trình công tác năm 2010 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.          | Văn phòng Bộ | Các Vụ, Cục | Báo cáo | Định kỳ hàng quý   |
| 6 | Tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2010   | Vụ Pháp chế  | Các Vụ, Cục | Báo cáo | Định kỳ hàng quý   |